

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VINH YÊN  
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2024/HS-ST

Ngày 22 - 11 - 2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phùng Đình Bàn.

Bà Vũ Thị Kim Dung.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Tố Uyên – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên toà:**  
Bà Lê Bảo Ng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 157/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2024/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lưu Văn Ng**, sinh ngày 22/7/1993; tại xã NH, huyện NT, tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã NH, huyện NT, tỉnh Nam Định; chỗ ở hiện nay: phường ĐT, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn D và bà Đào Thị S; có vợ là Hoàng Thị L và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2011/HSST ngày 25/02/2011 của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xử phạt Lưu Văn Ng 03 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng. Ngày 10/3/2013, Ng chấp hành xong hình phạt tù, ra trại. Ngày 13/4/2011, Ng chấp hành xong án phí. Đến nay đã được xóa án tích.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2016/HSST ngày 05/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và Bản án hình sự phúc thẩm số: 394/2016/HSPT ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt Lưu Văn Ng 03 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình

sự năm 1999; phạt bổ sung 5.000.000đồng sung Ngân sách Nhà nước; án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng; án phí hình sự phúc thẩm 200.000đồng. Ngày 11/3/2018, Ng chấp hành xong hình phạt tù, ra trại. Ngày 19/5/2017, Ng chấp hành xong hình phạt bổ sung, án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm. Đến nay đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam – Công an tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

2. Họ và tên: **Vũ Văn G**, sinh ngày 13/10/1989; tại phường ĐĐ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Phường ĐĐ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Tr và bà Vũ Thị M Ph; vợ, con: Chưa có; tiền án: 02 tiền án.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 93/2014/HSST ngày 25/7/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên xử phạt Vũ Văn G 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; buộc bồi thường cho anh Nghiêm Hải Đ 3.500.000đồng; án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng; án phí dân sự trong vụ án hình sự 200.000đồng. Ngày 11/7/2015, G chấp hành xong hình phạt tù, ra trại. Tháng 9/2014, G chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự. Đối với phần bồi thường thiệt hại, G chưa bồi thường cho anh Đ. Đến nay chưa được xóa án tích.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 118/2016/HSST ngày 15/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên xử phạt Vũ Văn G 03 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999; buộc bồi thường cho anh Lê Đức M 7.600.000đồng; án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng; án phí dân sự trong vụ án hình sự 380.000đồng. Ngày 28/4/2019, G chấp hành xong hình phạt tù, ra trại. Tháng 11/2016, G chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự. Đối với phần bồi thường thiệt hại, G chưa bồi thường cho anh M. Đến nay chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: Ngày 20/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định số 22/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với G thời hạn 18 tháng. Ngày 07/4/2023, G chấp hành xong.

- Nhân thân:

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2007/HSST ngày 29/3/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Vũ Văn G 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; án phí hình sự sơ thẩm 50.000đồng. Tháng 7/2008, G chấp

hành xong án phí. G phạm tội ít nghiêm trọng khi chưa đủ 18 tuổi nên được coi là không có án tích.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2012/HSST ngày 27/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và Bản án hình sự phúc thẩm số: 664/2012/HSPT ngày 29/11/2012 của Tòa án nhân dân tối cao xử phạt Vũ Văn G 03 năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999; án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng. Ngày 31/8/2013, G chấp hành xong hình phạt tù, ra trại. Tháng 4/2013, G chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Đến nay đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Vĩnh Yên, (có mặt).

3. Họ và tên: **Bùi Huy Kh**, sinh ngày 17/02/1994; tại xã Thủy XT, huyện CM, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: xã Thủy XT, huyện CM, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Minh Kh và bà Kiều Thị T; có vợ là Dương Thị Ph và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 138/2011/HSST ngày 01/12/2011 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xử phạt Bùi Huy Kh 04 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng. Ngày 30/8/2013, Kh chấp hành xong hình phạt tù, ra trại. Tháng 12/2011, Kh chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Đến nay đã được xóa án tích.

+ Ngày 26/7/2014, Công an huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội ra Quyết định số: 301/CAH, xử phạt hành chính đối với Bùi Huy Kh về hành vi mua dâm, mức phạt 500.000 đồng. Kh chưa chấp hành. Tuy nhiên, Cơ quan ra Quyết định xử phạt không tổ chức đôn đốc và cưỡng chế thi hành Quyết định. Đến nay đã hết thời hiệu thi hành.

+ Ngày 10/01/2020, Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch ra Quyết định số: 51/QĐ-XPVPHC xử phạt hành chính đối với Bùi Huy Kh về hành vi “kinh doanh dịch vụ cầm đồ không có giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT” và “cho vay tiền có cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định”, “cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố”, tổng mức tiền phạt chung là 23.500.000 đồng. Ngày 14/01/2020, Kh chấp hành xong.

Bị cáo tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Nguyễn Quý L, sinh năm 1983, (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường TS, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1991, (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường ĐĐ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Anh Nguyễn Tiến A, sinh năm 1979, (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Chị Nguyễn Thị Minh Th, sinh năm 1978, (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường NQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thị trấn HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Chị Lê Thị Ng1, sinh năm 1977, (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường NQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Vĩnh Yên tiếp nhận đơn trình báo của anh Nguyễn Quý L, sinh năm 1983, trú tại phường TS, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc tố giác Lưu Văn Ng, sinh năm 1993, nơi thường trú: xã NH, huyện NT, tỉnh Nam Định, hiện ở ngách 3, ngõ 7, đường Mai Hắc Đế, Tổ dân phố Chùa, phường Định Trung, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc có hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Ngày 29/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Vĩnh Yên đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Lưu Văn Ng tại ngách 3, ngõ 7, đường Mai Hắc Đế, tổ dân phố Chùa Hà, phường Định Trung, thành phố Vĩnh Yên. Kết quả khám xét phát hiện và thu giữ: 01 Giấy vay tiền mang tên Nguyễn Văn T; 01 Giấy mua bán điện thoại mang tên Nguyễn Văn T; 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Hồng Ph; 01 Giấy phép lái xe ô tô mang tên Nguyễn Huy H; 01 Giấy phép lái xe mô tô mang tên Lê Thị Ng1; 01 quyển sổ bìa màu xanh in dòng chữ “New Century MC-043”; 01 quyển sổ tay bìa màu nâu đỏ. Cùng ngày, Lưu Văn Ng tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone XS max, số IMEI: 3357274094192374, bên trong có lắp sim số 0368064666, đã cũ, đã qua sử dụng; Bùi Huy Kh, sinh năm 1994, trú tại xã ThXT, huyện CM, thành phố Hà Nội giao nộp 01 điện thoại Samsung Galaxy A21s, số seri R58N74PCBAD, bên trong có lắp sim số 0366319994, đã cũ, đã qua sử dụng.

#### ***Quá trình điều tra xác định:***

##### ***1. Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.***

Vì ham lợi nhuận nên Lưu Văn Ng đã tổ chức cho các cá nhân vay tiền với lãi suất cao thông qua hình thức bốc bát họ. Số tiền gốc, tiền lãi thu được của các cá nhân đều được trả cho Ng bằng tiền mặt hoặc qua hình thức chuyển khoản. Khi cho vay, Ng thu luôn tiền lãi của thời gian 40 ngày vay tương ứng lãi suất từ 4.000đồng đến

5.000đồng/1.000.000đồng tiền vay/ngày (từ 146%/năm đến 182,5%/năm). Quá trình cho vay, từ tháng 7/2022 đến tháng 10/2022 và từ tháng 02/2024 cho đến nay, Ng thuê Bùi Huy Kh, sinh năm 1994, trú tại xã ThủXT, huyện CM, thành phố Hà Nội làm thuê cho Ng với lương thỏa thuận từ 5.000.000đồng đến 6.000.000đồng/tháng. Nhiệm vụ của Kh là liên lạc với những người vay tiền của Ng giúp Ng đòi nợ gốc, lãi. Trong thời gian từ năm 2022 đến ngày 29/3/2024, Lưu Văn Ng đã cho 06 người vay tiền, cụ thể như sau:

1. Năm 2022, Ng cho chị Lê Thị Ng1, sinh năm 1977, trú tại phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên vay 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày. Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 2.000.000đồng và đưa cho chị Ng1 8.000.000đồng tiền mặt. Đối với khoản vay này, chị Ng1 đã trả hết gốc, lãi cho Ng. Số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 219.178đồng; số tiền Ng thu lời bất chính là 1.780.822đồng.

2. Từ ngày 02/3/2022 đến ngày 11/11/2023, Ng cho anh Nguyễn Quý L, sinh năm 1983, trú tại phường TS, thành phố VY, vay tiền 17 lần:

Lần 1: Ngày 02/3/2022, Ng cho anh L vay 40.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày; Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 8.000.000đồng và thu trước 1.000.000đồng tiền gốc nên Ng chuyển khoản cho anh L 31.000.000đồng. Đối với khoản vay này, anh L đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 2: Ngày 28/3/2022, Ng cho anh L vay 20.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày; Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 4.000.000đồng nên anh L chỉ nhận 16.000.000đồng (Ng chuyển vào tài khoản của anh L 14.850.000đồng và đưa cho anh L 1.150.000đồng tiền mặt). Đối với khoản vay này, anh L đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 3: Ngày 05/4/2022, Ng cho anh L vay 20.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày; Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 4.000.000đồng nên anh L chỉ nhận 16.000.000đồng (Ng chuyển vào tài khoản của anh L 14.400.000đồng và đưa cho anh L 1.600.000đồng tiền mặt). Đối với khoản vay này, anh L đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 4: Ngày 21/4/2022, Ng cho anh L vay 15.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày; Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 3.000.000đồng nên Ng chuyển vào tài khoản của anh L 12.000.000đồng. Đối với khoản vay này, anh L đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 5: Ngày 22/4/2022, Ng cho anh L vay 10.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày; Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 2.000.000đồng nên anh L chỉ nhận 8.000.000đồng (Ng chuyển vào tài khoản của anh L 4.500.000đồng và đưa cho anh L 3.500.000đồng tiền mặt). Đối với khoản vay này, anh L đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 6: Ngày 09/5/2022, Ng cho anh L vay 10.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày; Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 2.000.000đồng nên anh L chỉ nhận 8.000.000đồng (Ng chuyển vào tài khoản của anh L 4.400.000đồng và đưa cho anh L 3.600.000đồng tiền mặt). Đối với khoản vay này, anh L đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 7: Ngày 14/5/2022, Ng cho anh L vay 15.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày; Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 3.000.000đồng nên anh L chỉ nhận 12.000.000đồng (Ng chuyển vào tài khoản của anh L 8.600.000đồng và đưa cho anh L 3.400.000đồng tiền mặt). Đối với khoản vay này, anh L đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 8: Ngày 27/5/2022, Ng cho anh L vay 15.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày; Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 3.000.000đồng nên anh L chỉ nhận 12.000.000đồng (Ng chuyển vào tài khoản của anh L 10.450.000đồng và đưa cho anh L 1.550.000đồng tiền mặt). Đối với khoản vay này, anh L đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 9: Ngày 29/6/2022, Ng cho anh L vay 15.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày; Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 3.000.000đồng nên anh L chỉ nhận 12.000.000đồng (Ng chuyển vào tài khoản của anh L 10.500.000đồng và đưa cho anh L 1.500.000đồng tiền mặt). Đối với khoản vay này, anh L đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 10: Ngày 11/7/2022, Ng cho anh L vay 50.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày; Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 10.000.000đồng nên Ng chuyển vào tài khoản của anh L 40.000.000đồng. Đối với khoản vay này, anh L đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 11: Ngày 12/7/2022, Ng cho anh L vay 10.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày; Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 2.000.000đồng nên anh L chỉ nhận 8.000.000đồng (Ng chuyển vào tài khoản của anh L 6.950.000đồng và đưa cho anh L 1.050.000đồng tiền mặt). Đối với khoản vay này, anh L đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 12: Ngày 25/7/2022, Ng cho anh L vay 30.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày; Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 6.000.000đồng nên anh L chỉ nhận 24.000.000đồng (Ng chuyển vào tài khoản của anh L 16.900.000đồng và đưa cho anh L 7.100.000đồng tiền mặt). Đối với khoản vay này, anh L đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 13: Ngày 06/9/2022, Ng cho anh L vay 50.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày; Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 10.000.000đồng nên anh L chỉ nhận 40.000.000đồng (Ng chuyển vào tài khoản của anh L 30.750.000đồng và đưa cho anh L 9.250.000đồng tiền mặt). Đối với khoản vay này, anh L đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 14: Ngày 07/9/2022, Ng cho anh L vay 30.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày; Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 6.000.000đồng nên anh L chỉ nhận 24.000.000đồng (Ng chuyển vào tài khoản của anh L 17.000.000đồng và đưa cho anh L 7.000.000đồng tiền mặt). Đối với khoản vay này, anh L đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 15: Ngày 10/10/2022, Ng cho anh L vay 30.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày; Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 6.000.000đồng nên anh L chỉ nhận 24.000.000đồng (Ng chuyển vào tài khoản của anh L 20.000.000đồng và đưa cho anh L 4.000.000đồng tiền mặt). Đối với khoản vay này, anh L đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 16: Ngày 21/10/2022, Ng cho anh L vay 50.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày; Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 10.000.000đồng nên anh L chỉ nhận 40.000.000đồng (Ng chuyển vào tài khoản của anh L 36.000.000đồng và đưa cho anh L 4.000.000đồng tiền mặt). Đối với khoản vay này, anh L còn nợ Ng 44.000.000đồng tiền gốc.

Lần 17: Ngày 11/11/2022, Ng cho anh L vay 50.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày; Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 10.000.000đồng nên anh L chỉ nhận 40.000.000đồng (Ng chuyển vào tài khoản của anh L 33.750.000đồng và đưa cho anh L 6.250.000đồng tiền mặt). Đối với khoản vay này, anh L còn nợ Ng 45.000.000đồng tiền gốc.

Tổng số tiền Ng đã cho anh L vay là 460.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Số tiền lãi Ng đã thu của anh L là 92.000.000đồng, trong đó số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 10.082.192đồng; số tiền Ng thu lời bất chính là 81.917.808đ. Hiện anh L còn nợ Ng 89.000.000đồng tiền gốc vay.

**3. Từ tháng 11/2022 đến ngày 04/4/2023, Ng cho chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993, trú tại thị trấn HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc vay tiền 04 lần:**

Lần 1: Tháng 11/2022, Ng cho chị N vay 10.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày. Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 2.000.000đồng nên chị N chỉ nhận 8.000.000đồng (Ng chuyển vào tài khoản của chị N 7.000.000đồng và đưa cho chị N 1.000.000đồng tiền mặt). Đối với khoản vay này, chị N đã trả hết tiền gốc cho Ng.

Lần 2: Ngày 06/02/2023, Ng cho chị N vay 20.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày, Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 4.000.000đồng nên chị N chỉ nhận 16.000.000đồng (Ng chuyển vào tài khoản của chị N 15.000.000đồng và đưa cho chị N 1.000.000đồng tiền mặt). Đối với khoản vay này, chị N còn nợ Ng 6.000.000đồng tiền gốc.

Lần 3: Ngày 08/3/2023, Ng cho chị N vay 20.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày, Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay

này là 4.000.000đồng và trừ 6.000.000đồng tiền gốc chị N còn nợ của khoản vay Lần 2, nên Ng chuyển vào tài khoản cho chị N 10.000.000đồng. Đối với khoản vay này, chị N còn nợ Ng 9.000.000đồng tiền gốc.

Lần 4: Ngày 08/4/2023, Ng cho chị N vay 20.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày, Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 4.000.000đồng và trừ 9.000.000đồng tiền gốc chị N còn nợ của khoản vay Lần 3, nên Ng chuyển vào tài khoản của chị N 7.000.000đồng. Đối với khoản vay này, chị N đã trả hết tiền gốc cho Ng.

Tổng số tiền Ng cho chị N vay là 70.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Số tiền lãi Ng đã thu của chị N là 14.000.000đồng, trong đó số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.534.247đồng; số tiền Ng thu lời bất chính là 12.465.753đồng.

4. Từ ngày 21/12/2022 đến ngày 03/6/2023, Ng đã cho anh Nguyễn Tiến A, sinh năm 1979, trú tại phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc vay tiền 04 lần:

Lần 1: Ngày 21/12/2022, Ng cho anh Tiến A vay 40.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này trong 40 ngày là 8.000.000đồng và đưa cho anh Tiến A 32.000.000đồng tiền mặt. Đến ngày 15/4/2023, anh Tiến A thanh toán cho Ng đủ số tiền gốc đã vay là 40.000.000đồng và còn nợ 15.000.000đồng tiền lãi. Khi đáo hạn, thực hiện khoản vay mới, Tiến A đã thanh toán đủ cho Ng số tiền lãi đã nợ.

Lần 2: Ngày 15/4/2023, Ng cho anh Tiến A vay 25.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ng trừ 15.000.000đồng tiền lãi anh Tiến A còn nợ trong lần vay thứ 1 và đưa cho anh Tiến A 10.000.000đồng tiền mặt. Tính đến ngày 14/5/2023, anh Tiến A đã thanh toán cho Ng 13.200.000đồng tiền gốc, còn nợ gốc 11.800.000đồng và nợ tiền lãi trong thời hạn 26 ngày là 3.250.000đồng.

Lần 3: Ngày 16/5/2023, Ng cho anh Tiến A vay 25.000.000đồng, để “đáo bát” khoản nợ lần 3, lãi suất 4.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 18 ngày là 1.800.000đồng, Ng trừ 15.050.000đồng tiền gốc Tiến A nợ trong khoản vay lần 2 và 2.500.000đồng đã chuyển cho Tiến A vay ngày 13/5/2023, Ng chuyển khoản cho anh Tiến A 6.450.000đồng (5.650.000đồng tiền vay, 800.000đồng tiền Ng nợ Tiến A). Đến ngày 02/6/2023, anh Tiến A đã thanh toán cho Ng 21.300.000đồng tiền gốc, tiền gốc còn nợ là 3.700.000đồng.

Lần 4: Ngày 03/6/2023, Ng cho anh Tiến A vay 15.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn vay là 20 ngày. Ng trừ 3.700.000đồng tiền gốc anh Tiến A nợ Ng trong khoản vay lần 3 và thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 1.550.000đồng và chuyển khoản cho anh Tiến A 9.750.000đồng. Tính đến ngày 20/6/2023, anh Tiến A đã trả Ng 14.450.000đồng tiền gốc và trừ 50.000đồng do Ng tính thừa khi thu lãi trước, còn nợ 500.000đồng tiền gốc. Tuy

nhiên, do tiền còn nợ ít và anh Tiến A không tiếp tục vay thêm nên Ng dừng tính lãi khoản vay của anh Tiến A.

Tổng số tiền Ng đã cho anh Tiến A vay là 105.000.000đồng, lãi suất từ 4.000đồng đến 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Số tiền lãi Ng đã thu của anh Tiến A là 29.550.000đồng, trong đó số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 3.287.671; số tiền Ng thu lời bất chính là 26.262.329đồng. Hiện anh Tiến A còn nợ Ng 500.000đồng tiền gốc vay.

5. Từ ngày 30/6/2023 đến ngày 18/2/2024, Ng cho chị Nguyễn Thị Minh Th, sinh năm 1978; trú tại: Số 1, Ngõ 1, Phố Chiền, phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên vay tiền 09 lần:

Lần 1: Ngày 30/6/2023, Ng cho chị Th vay 10.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày, Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 2.000.000đồng và thu trước 1.750.000đồng tiền gốc nên Ng chuyển khoản cho chị Th 6.250.000đồng (gồm 02 lần chuyển khoản). Đối với khoản vay này, chị Th đã trả hết tiền gốc cho Ng.

Lần 2: Ngày 17/8/2023, Ng cho chị Th vay 10.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày, Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 2.000.000đồng và thu trước 250.000đồng tiền gốc nên Ng chuyển khoản cho chị Th 7.750.000đồng (gồm 02 lần chuyển khoản). Chị Th còn nợ Ng 6.000.000đồng tiền gốc của khoản vay này.

Lần 3: Ngày 25/8/2023, Ng cho chị Th vay 10.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày, Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 2.000.000đồng và thu trước 1.250.000đồng tiền gốc nên Ng chuyển khoản cho chị Th 6.750.000đồng. Đối với khoản vay này, chị Th đã trả hết tiền gốc cho Ng.

Lần 4: Ngày 02/10/2023, Ng cho chị Th vay 10.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày, Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 2.000.000đồng và thu trước 250.000đồng tiền gốc nên Ng chuyển khoản cho chị Th 7.750.000đồng. Đối với khoản vay này, chị Th còn nợ Ng 2.000.000đồng tiền gốc.

Lần 5: Ngày 20/10/2023, Ng cho chị Th vay 10.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày, Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 2.000.000đồng và thu trước 250.000đồng tiền gốc nên Ng chuyển khoản cho chị Th 7.750.000đồng. Đối với khoản vay này, chị Th đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 6: Ngày 02/11/2023, Ng cho chị Th vay 10.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày, Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 2.000.000đồng và thu trước 250.000đồng tiền gốc nên Ng chuyển khoản cho chị Th 7.750.000đồng. Đối với khoản vay này, chị Th đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 7: Ngày 04/12/2023, Ng cho chị Th vay 15.000.000 đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày, Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 3.000.000đồng và thu trước 500.000đồng tiền gốc nên Ng chuyển khoản cho chị Th 11.500.000đồng. Đối với khoản vay này, chị Th đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 8: Ngày 16/12/2023, Ng cho chị Th vay 10.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày. Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 2.000.000đồng và thu trước 1.750.000đồng tiền gốc nên Ng chuyển khoản cho chị Th 6.250.000đồng. Đối với khoản vay này, chị Th đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Lần 9: Ngày 18/02/2024, Ng cho chị Th vay 10.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày. Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 2.000.000đồng và thu trước 1.000.000đồng tiền gốc nên Ng chuyển khoản cho chị Th 7.000.000đồng. Đối với khoản vay này, chị Th đã thanh toán đủ cho Ng tiền gốc vay.

Tổng số tiền Ng đã cho chị Th vay là 95.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Số tiền lãi Ng đã thu của chị Th là 19.000.000đồng, trong đó số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 2.082.192đ; số tiền Ng thu lời bất chính là 16.917.808đ. Hiện chị Th còn nợ Ng 8.000.000đồng tiền gốc vay.

6. Ngày 24/12/2023, Ng cho anh Nguyễn Huy H, SN: 1991 trú tại: phường ĐĐ, thành phố VY vay 30.000.000 đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn 40 ngày, Ng thu luôn tiền lãi của khoản vay này là 6.000.000đồng và đưa cho anh Hà 24.000.000đồng tiền mặt. Đối với khoản vay này, anh H đã trả cho Ng 15.000.000đồng tiền gốc, còn nợ Ng 15.000.000đồng tiền gốc. Số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 657.534đ, số tiền Ng thu lời bất chính là 5.342.466đ.

Như vậy, tổng số tiền Ng đã cho 06 người trên vay là 770.000.000đồng. Tổng số tiền lãi Ng đã thu được của 06 người vay trên là 162.550.000đồng, trong đó số tiền lãi mà Ng được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 17.863.041đ, số tiền Ng thu lợi bất chính là 144.686.959đ (BL 806-913).

Quá trình cho những người khác vay lãi tiền với lãi suất cao, từ khoảng tháng 7/2022 đến tháng 10/2022, Ng thuê Bùi Huy Kh với mức lương từ 5.000.000đồng đến 6.000.000đồng/tháng để đi thu lãi, tìm kiếm, liên lạc thúc nợ người vay. Bản thân Kh trong thời gian làm thuê cho Ng biết mức lãi suất Ng cho anh Nguyễn Quý L vay là 5.000/1.000.000đồng/ngày và đã hỗ trợ Ng gọi điện, đốc nợ, thu tiền đối với 07 khoản vay của anh L (gồm các lần vay từ ngày 11/7/2022 đến ngày 21/10/2022), tổng số tiền lãi thu được là 50.000.000đồng, trong đó, số tiền thu lợi bất chính là 44.444.444đồng.

**\* Kết quả sao kê tài khoản ngân hàng:**

Quá trình điều tra xác định Lưu Văn Ng đã sử dụng các số tài khoản 104869685261 và số tài khoản 104880700106 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank). Bùi Huy Kh đã sử dụng số tài khoản 0985017294 tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam (MB) để thực hiện hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Căn cứ lời khai của Lưu Văn Ng cùng với những người liên quan và các tài liệu, chứng cứ đã thu giữ, Cơ quan điều tra có Công văn yêu cầu các Ngân hàng cung cấp thông tin khách hàng, sao kê giao dịch của các khách hàng có dấu hiệu liên quan đến hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với Lưu Văn Ng, cụ thể:

- Ngày 07/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Vĩnh Yên có các Công văn số: 754, 755/YC-ĐCSHS gửi Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Vĩnh Phúc yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng có số tài khoản 104869685261 và số tài khoản 104880700106, đồng thời sao kê giao dịch của khách hàng có sử dụng các số tài khoản trên kể từ ngày 01/01/2022 đến ngày 29/3/2024.

Ngày 20/5/2024, Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Vĩnh Phúc có các Công văn số: 580, 581/CV-CNVP-DVKH, cung cấp thông tin: Số tài khoản 104869685261 mở tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Vĩnh Phúc, họ và tên: Lưu Văn Ngọc, ngày, tháng, năm sinh: 22/7/1993, địa chỉ: Liên Bảo – Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc, số CCCD: 036093005946, số điện thoại: 036093005946. Số tài khoản 104880700106 mở tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Vĩnh Phúc, họ và tên: Nguyễn Thị Phương Dung, ngày, tháng, năm sinh: 20/11/2000, địa chỉ: Tân Nguyên – Yên Bình – Yên Bái, số CCCD: 015300007489, số điện thoại: 0967131998; kèm theo sao kê giao dịch từ ngày 01/01/2022 đến ngày 29/3/2024 (BL 246-588).

- Ngày 07/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Vĩnh Yên có Công văn số: 756/YC-ĐCSHS gửi Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam (MB bank) - Chi nhánh Vĩnh Phúc yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng có sử dụng số tài khoản 123419839999, đồng thời sao kê giao dịch của khách hàng có sử dụng số tài khoản trên với số tài khoản 104869685261 Ngân hàng Vietinbank từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022.

Ngày 17/5/2024, Ngân hàng MB - Chi nhánh Vĩnh Phúc có Công văn số: 569/MB-VPH, cung cấp thông tin: Số tài khoản 123419839999, họ và tên: Nguyễn Quý L, địa chỉ: Vĩnh Ninh – Tích Sơn – Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc, số CCCD: 026083004008, số điện thoại 0964525768 kèm theo sao kê giao dịch của khách hàng có sử dụng số tài khoản trên với số tài khoản 104869685261 Ngân hàng Vietinbank từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 (BL 639-646).

- Ngày 07/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Vĩnh Yên có Công văn số: 758/YC-ĐCSHS gửi Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Vĩnh Phúc yêu cầu cung cấp thông tin

khách hàng có sử dụng số tài khoản 4642456789, đồng thời sao kê giao dịch của khách hàng có sử dụng số tài khoản trên với tài khoản số 104869685261 và 104880700106 từ ngày 01/01/2022 đến ngày 29/3/2024.

Ngày 16/5/2024, Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Vĩnh Phúc có Công văn số: 649/TCB-VPC, cung cấp thông tin: Số tài khoản 4642456789, họ và tên: Nguyen Huy Ha, ngày, tháng, năm sinh: 05/5/1991, địa chỉ: TDP An Sơn – Đồng Đa – Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc, số CCCD: 026091004333, kèm sao kê giao dịch của khách hàng có sử dụng số tài khoản trên với tài khoản số 104869685261 và 104880700106 từ ngày 01/01/2022 đến ngày 29/3/2024.

- Ngày 07/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Vĩnh Yên có Công văn số: 760/YC-ĐCSHS gửi Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Vĩnh Phúc yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng có sử dụng số tài khoản 0361000360691, đồng thời sao kê giao dịch của khách hàng có sử dụng số tài khoản trên kể từ ngày 01/01/2022 đến ngày 29/3/2024.

Ngày 21/5/2024, Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Vĩnh Phúc có Công văn số: 612/VCBVP-KT, cung cấp thông tin: Số tài khoản 0361000360691, họ và tên: Nguyen Tien Anh, ngày, tháng, năm sinh: 10/12/1979, địa chỉ: Khai Quang – Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc, số CCCD: 0260079000893, kèm theo sao kê giao dịch từ ngày 01/01/2022 đến ngày 29/3/2024.

- Ngày 30/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Vĩnh Yên có Công văn số: 969/YC-ĐCSHS gửi Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương (Vietcombank) - Chi nhánh Vĩnh Phúc yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng có sử dụng số tài khoản 0361000347387, đồng thời sao kê giao dịch của khách hàng có sử dụng số tài khoản trên kể từ ngày 01/01/2022 đến ngày 29/3/2024.

Ngày 14/6/2024, Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Vĩnh Phúc có Công văn số: 783/VCBVP-KT, cung cấp thông tin: Số tài khoản 0361000347387, họ và tên: Nguyen Thi Nam, ngày, tháng, năm sinh: 28/10/1993, địa chỉ: Hợp Hòa – Tam Dương - Vĩnh Phúc, số CCCD: 026193003099, kèm theo sao kê giao dịch từ ngày 01/01/2022 đến ngày 29/3/2024.

- Ngày 21/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Vĩnh Yên có Công văn số: 968/YC-ĐCSHS gửi Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng có sử dụng số tài khoản 0985017294, đồng thời sao kê giao dịch của khách hàng có sử dụng số tài khoản trên từ ngày 05/7/2022 đến ngày 31/10/2022.

Ngày 06/6/2024, Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội Việt Nam (MB) - Chi nhánh Vĩnh Phúc có Công văn số: 684/MB-VPH, cung cấp thông tin: Số tài khoản 0985017294, họ và tên: Bui Huy Khanh, địa chỉ: Xuân Tiên – Chương Mỹ - Hà Nội, số CCCD: 001094011254, kèm theo sao kê giao dịch từ ngày 05/7/2022 đến ngày 31/10/2022.

Kết quả giám định điện thoại:

- Ngày 07/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định trưng cầu giám định số: 1290, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, số seri: FFWXD36ZKPHD, bên trong lắp 01 sim điện thoại, bên trên sim có ký tự 8984048000071693662, đã cũ và qua sử dụng với nội dung: Khôi phục, trích xuất dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn SMS giữa mẫu điện thoại gửi giám định với các số thuê bao: 0964525768, 0327808865, 0768565555, 0328817196, 0986513993, 0983016161, 0981466115; Khôi phục, trích xuất dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn Zalo, Messenger giữa mẫu điện thoại gửi giám định với các tài khoản Zalo, Messenger được đăng ký bằng các số thuê bao: 0964525768, 0327808865, 0768565555, 0328817196, 0986513993, 0983016161, 0981466115. Tại Kết luận giám định số 1360 ngày 19/5/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Tìm thấy dữ liệu 02 (hai) cuộc gọi đến từ số thuê bao 0327808865 và 0983016161 tới số thuê bao gắn trong mẫu vật gửi giám định. Chi tiết được thể hiện trong phụ lục kèm theo. Không tìm thấy dữ liệu cuộc gọi đi, đến giữa số thuê bao gắn trong mẫu vật gửi giám định tới các số thuê bao: 0964525768, 0327808865, 0768565555, 0328817196, 0986513993, 0983016161, 0981466115. Không tìm thấy dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn Zalo, Facebook Messenger. Không có dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn SMS lưu trên thẻ sim.

- Ngày 07/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định trưng cầu giám định số: 1291, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21s, số seri: R58N74PCBAD, bên trong lắp 01 sim điện thoại, bên trên sim có ký tự 8984048000902352761, đã cũ và qua sử dụng với nội dung: Khôi phục, trích xuất dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn SMS giữa mẫu điện thoại gửi giám định với các số thuê bao: 0964525768, 0768565555, 0328817196, 0986513993, 0983016161; Khôi phục, trích xuất dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn Zalo, Messenger giữa mẫu điện thoại gửi giám định với các tài khoản Zalo, Messenger được đăng ký bằng các số thuê bao: 0964525768, 0768565555, 0328817196, 0986513993, 0983016161. Tại Kết luận giám định số 1361 ngày 19/5/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Không tìm thấy dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn SMS giữa số thuê bao gắn trong mẫu điện thoại gửi giám định với các số thuê bao: 0964525768, 0768565555, 0328817196, 0986513993, 0983016161. Không xác định được dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn Zalo và Facebook Messenger là của tài khoản nào được đăng ký bởi một trong các số thuê bao: 0964525768, 0768565555, 0328817196, 0986513993, 0983016161. Không tìm thấy dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn SMS lưu trong thẻ sim.

Quá trình điều tra, Ng và Kh đã thừa nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng như nêu trên.

## **2. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy:**

Ngày 29/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Vĩnh Yên đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Đình M, sinh năm 1988, nơi thường trú: xã DPh, huyện TDg, tỉnh Vĩnh Phúc, hiện ở phường LB, thành phố VY theo đơn tố giác về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Thời điểm khám xét, tại nhà của Nguyễn Đình M có Nguyễn Khánh L1, sinh năm 2003, trú tại xã HL, thị xã PT, tỉnh Phú Thọ; Đỗ Văn C, sinh năm 1993, trú tại xã HTr, huyện HH, tỉnh Nam Định và Vũ Văn G, sinh năm 1989, trú tại phường ĐĐ, thành phố VY. Kết quả khám xét phát hiện và thu giữ: 01 hộp sắt màu đỏ có mặt chữ trên nắp ghi chữ “EUDORA” đường kính 14cm, cao 5,5cm, bên trong đựng 02 (hai) gói nilon kích thước (2,5 x 3)cm, bên trong đựng 02 (hai) viên nén và 02 (hai) mảnh viên nén màu hồng cùng một số hạt tinh thể dạng đá màu trắng; 01 (một) bộ sử dụng ma túy đá tự chế gồm: 01 (một) bình thủy tinh cao 10cm, đường kính 06cm, phía trên cùng có gắn ống hút nhựa. Vũ Văn G khai nhận đây là số ma túy của G tàng trữ mục đích để sử dụng cho bản thân nhưng chưa kịp sử dụng. Tổ công tác đã tiến hành niêm phong gói nilon bên trong chứa các hạt tinh thể dạng đá màu trắng và 02 viên nén màu hồng và 02 mảnh viên nén màu đỏ hồng nghi là ma túy thu giữ của G vào phong bì thư ký hiệu A1; tạm giữ 01 (một) bình thủy tinh cao 10cm, đường kính 06cm, phía trên cùng có gắn ống hút nhựa và đưa G cùng tang vật về trụ sở làm việc.

Ngày 29/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định trưng cầu giám định số 827, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định các hạt tinh thể màu trắng, 02 viên nén màu đỏ có in chữ WY; 02 mảnh nhỏ viên nén màu đỏ được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu A1 với nội dung: Mẫu gửi giám định ký hiệu A1 có phải là ma túy, tiền chất sử dụng vào việc sản xuất ma túy trái phép không? Nếu có thì là chất ma túy gì, tiền chất gì? Trọng lượng của mẫu giám định là bao nhiêu? Ngày 02/4/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Bản kết luận giám định số 900, kết luận:

*“1. Tinh thể dạng đá màu trắng có trong mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,4451g (Không phẩy bốn bốn năm một gam, không kể bao bì) loại Methamphetamine.*

*2. 02 (hai) viên nén và 02 (hai) mảnh vỡ của viên nén có trong mẫu ký hiệu A1 gửi giám định đều là ma túy, có tổng khối lượng 0,2561g (Không phẩy hai năm sáu một gam, không kể bao bì) loại Methamphetamine.*

*Hoàn trả trực tiếp đối tượng giám định còn lại sau giám định cho cơ quan trưng cầu gồm A1=0,4034 gam mẫu tinh thể dạng đá + 0,1730 gam mẫu viên nén và toàn bộ bao gói được niêm phong chung trong một bao gói giấy “MẪU TRÁ*

813” trên giáp lai có chữ ký của người tham gia đóng gói, niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc”.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ của Vũ Văn G, quá trình điều tra, G khai nhận: Khoảng 22 giờ ngày 28/3/2024, G đến quán hải sản Anh Béo ở tổ dân phố Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên do Lưu Văn Ng làm chủ quán để ăn uống. Tại đây, G nhờ Ng mua hộ G 500.000 đồng ma túy đá và ma túy ngựa thì Ng đồng ý. Sau đó, Ng đưa cho G 01 túi nilon bên trong có chứa các hạt tinh thể dạng đá màu trắng là ma túy đá và 03 viên ma túy ngựa màu hồng, G cầm gói ma túy cất vào trong túi quần và tiếp tục ngồi uống rượu tại quán. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, G mang số ma túy vừa nhờ Ng mua được về Công ty GENNIUS HOLDINGS (hỗ trợ xuất nhập khẩu lao động trong nước và ngoài nước cho người Việt Nam) có địa chỉ tại phường LB, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc do Nguyễn Đình M làm tổng giám đốc và G đặt gói ma túy vào 01 hộp sắt ở trên bàn trong phòng rồi đi ngủ. G không biết Ng mua ma túy của ai và cũng chưa trả tiền mua ma túy cho Ng. Đối với 01 (một) bình thủy tinh cao 10cm, đường kính 06cm, phía trên cùng có gắn ống hút nhựa là dụng cụ do G tự chế để phục vụ việc sử dụng trái phép chất ma túy của bản thân.

Quá trình điều tra, Lưu Văn Ng khai nhận: Khoảng 22 giờ ngày 28/3/2024, khi Ng đang ở quán hải sản Anh Béo tại tổ dân phố Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên do Ng làm chủ thì Vũ Văn G đến uống bia tại quán. Lúc này, G đến chỗ Ng và nói “Bạn lấy hộ tôi 500.000đồng ngựa với đá”, ý G nhờ Ng mua hộ cho G 500.000đồng tiền ma túy ngựa và ma túy đá, Ng đồng ý. Sau đó Ng sử dụng số điện thoại 0368064666 gọi vào số điện thoại 0981466115 của Lành Văn C1, sinh năm 1987, trú tại xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc bảo C1 bán cho Ng 500.000đồng ma túy ngựa và ma túy đá thì C1 đồng ý. Khoảng 30 phút sau, C1 đi xe ô tô (Ng không nhớ BKS) đến trước cửa quán của Ng và đưa cho Ng 01 gói nilon bên trong có ma túy đá và 02 viên ma túy ngựa màu hồng cùng 02 mảnh ngựa nhỏ màu hồng. Sau đó, Ng đưa số ma túy trên cho G. Khi mua ma túy giúp G, Ng không lấy tiền công và cũng không tham gia sử dụng cùng G, do G chưa đưa tiền cho Ng nên Ng chưa trả tiền mua ma túy cho C1.

Kết quả thu giữ điện tín:

Ngày 23/5/2024 và ngày 14/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Vĩnh Yên có các Công văn số: 884, 1252, đề nghị Ban thanh tra kiểm toán – Tập đoàn Công nghiệp viễn thông Quân đội Viettel cung cấp: Thông tin về các chủ thuê bao của các số điện thoại 0368064666; 0981466115 và Thông tin chi tiết các cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến của số thuê bao 0368064666; 0981466115 trong khoảng thời gian từ 18 giờ 00 phút ngày 25/3/2024 đến 06 giờ 00 phút ngày 29/3/2024. Ngày 07/8/2024, Cơ quan điều tra làm việc với Tập đoàn Công nghiệp viễn thông Quân đội Viettel được cung cấp thông tin: Chủ thuê bao số 0981466115:

Hoàng Hữu H1, sinh ngày: 20/6/1972; địa chỉ: phường ĐT, thành phố VY; số CCCD: 026072000943. Chủ thuê bao 0368064666: Lưu Văn Ng, sinh ngày: 22/7/1993; địa chỉ: NH, NTr, Nam Định, số CCCD: 036093005946. Kèm theo lịch sử các cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến của số thuê bao 0368064666; 0981466115 trong khoảng thời gian từ 18 giờ 00 phút ngày 25/3/2024 đến 06 giờ 00 phút ngày 29/3/2024. Kết quả thể hiện giữa số thuê bao do Ng sử dụng là 0368064666 và số thuê bao Ng khai do Lành Văn C1 sử dụng là 0981466115 không phát sinh cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến trong khoảng thời gian từ 18 giờ 00 phút ngày 25/3/2024 đến 06 giờ 00 phút ngày 29/3/2024.

Tại Cáo trạng số: 168/ CT-VKSNDTPVY-VP ngày 23 tháng 9 năm 2024, Viện kiểm sát nhân thành phố Vĩnh Yên truy tố Lưu Văn Ng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự; Vũ Văn G về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự và Bùi Huy Kh về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lưu Văn Ng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249; Vũ Văn G về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 và Bùi Huy Kh về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Sau khi đánh giá vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 55; Điều 58 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo: Lưu Văn Ng từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng đến 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Ng phải chịu từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29 tháng 3 năm 2024. Đề nghị phạt bổ sung đối với bị cáo Ng số tiền từ 30.000.000đồng đến 50.000.000đồng đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Không phạt bổ sung đối với Ng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo: Vũ Văn G từ 05 (Năm) năm 09 (Chín) tháng đến 06 (Sáu) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo: Bùi Huy Kh từ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng đến 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập và các hình phạt bổ sung khác đối với bị cáo.

Giao bị cáo Bùi Huy Kh cho Ủy ban nhân dân xã Thủy XT, huyện CM, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội nhận được quyết định thi hành án. Trong trường hợp bị cáo Bùi Huy Kh có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy mẫu vật hoàn lại sau giám định 0,4034 gam mẫu tinh thể dạng đá và 0,1730 gam mẫu viên nén và toàn bộ bao gói được niêm phong chung trong một bao gói giấy mẫu trả vụ số 813/2024, trên giáp lai có chữ ký của người tham gia đóng gói, niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc và 01 bình thủy tinh cao 10cm, đường kính 06cm, phía trên cùng có gắn ống hút nhựa.

Tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone XS max, số IMEI: 3357274094192374 đã cũ, đã qua sử dụng của Lưu Văn Ng và 01 điện thoại Samsung Galaxy A21s, số seri R58N74PCBAD, đã cũ, đã qua sử dụng của Bùi Huy Kh.

Trả lại cho chị Lê Thị Ng1 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Lê Thị Ng1.

Trả lại cho anh Nguyễn Huy H 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Huy H.

Truy thu sung Ngân sách nhà nước của Lưu Văn Ng tổng số tiền: 87.500.000đồng + 17.863.041đồng = 105.363.041 đồng.

Truy thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) nộp sung quỹ Nhà nước số tiền gốc còn lại chưa trả bị cáo Lưu Văn Ng cụ thể: Anh Nguyễn Quý L số tiền 89.000.000đồng; anh Nguyễn Tiến A số tiền 500.000đồng; chị Nguyễn Thị Minh Th số tiền 8.000.000đồng và anh Nguyễn Huy H số tiền 15.000.000đồng.

Buộc Lưu Văn Ng phải trả số tiền lãi vượt quá quy định cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay) tổng số tiền 144.686.959đồng, cụ thể: Chị Lê Thị Ng1 1.780.822đồng; anh Nguyễn Quý L 81.917.808đồng; chị Nguyễn Thị N 12.456.753đồng; anh Nguyễn Tiến A 26.262.329đồng; chị Nguyễn Thị Minh Th 16.917.808đồng và anh Nguyễn Huy H 5.342.466đồng.

- Về án phí sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận: Các bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận và không có ý kiến bổ sung gì khác.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thấy việc làm của mình là sai, là vi phạm pháp luật. Các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để các bị cáo tự cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vĩnh Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

**\* Về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:** Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2022 đến tháng 02/2024, Lưu Văn Ng đã có hành vi sử dụng khoản tiền gốc ban đầu là 200.000.000đồng rồi quay vòng cho chị Lê Thị Ng1, anh Nguyễn Quý L, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Tiến A, chị Nguyễn Thị Minh Th và anh Nguyễn Huy H vay tổng số tiền là 770.000.000đồng qua hình thức bốc bát họ với lãi suất từ 4.000đồng đến 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, tương ứng với 146% đến 182,5%/năm (gấp trên 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%/năm), thu lợi bất chính 144.686.959đồng. Cụ thể như sau:

- Năm 2022, Ng cho chị Lê Thị Ng1 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, cắt lãi trước 2.000.000đồng, tiền gốc vay thực tế chị Ng1 nhận được là 8.000.000đồng. Chị N đã trả cho Ng tiền gốc vay là 10.000.000đồng và tiền lãi 2.000.000đồng. Ng thu lợi bất chính 1.780.822đồng.

- Từ ngày 02/3/2022 đến ngày 11/11/2023, Ng cho anh Nguyễn Quý L vay 17 lần, tổng số tiền là 460.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, cắt lãi trước 92.000.000đồng, tiền gốc vay thực tế anh L nhận được là 368.000.000đồng. Anh L đã trả cho Ng tiền gốc vay là 279.000.000đồng và tiền lãi 92.000.000đồng. Ng thu lợi bất chính 81.917.808đ. Hiện anh L còn nợ Ng 11.000.000đồng tiền gốc vay.

- Từ tháng 11/2022 đến ngày 04/4/2023, Ng cho chị Nguyễn Thị N vay 04 lần, tổng số tiền là 70.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, cắt lãi trước 14.000.000đồng, tiền gốc vay thực tế chị N nhận được là 56.000.000đồng. Chị N đã trả cho Ng tiền gốc vay là 70.000.000đồng và tiền lãi 14.000.000đồng. Ng thu lợi bất chính 12.465.753đồng.

- Từ ngày 21/12/2022 đến ngày 03/6/2023, Ng đã cho anh Nguyễn Tiến A vay tiền 04 lần, tổng số tiền là 105.000.000đồng, lãi suất từ 4.000đồng đến 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, cắt trước một phần tiền lãi và trừ một phần tiền gốc còn nợ, tiền gốc vay thực tế anh Tiến A nhận là 85.200.000đồng. Anh Tiến A đã trả cho Ng tiền gốc vay là 104.500.000đồng và tiền lãi là 29.550.000đồng. Ng thu lợi bất chính là 26.262.329đồng. Hiện anh Tiến A còn nợ Ng 500.000đồng tiền gốc vay.

- Từ ngày 30/6/2023 đến ngày 18/2/2024, Ng cho chị Nguyễn Thị Minh Th vay tiền 09 lần, tổng số tiền là 95.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, cắt lãi trước và thu trước một phần tiền gốc, tiền gốc vay thực tế chị Th nhận là 68.750.000đồng. Chị Th đã trả cho Ng tiền gốc vay là 87.000.000đồng và tiền lãi là 19.000.000đồng. Ng thu lợi bất chính 16.917.808đồng. Hiện chị Th còn nợ Ng 8.000.000đồng tiền gốc vay.

- Ngày 24/12/2023, Ng cho anh Nguyễn Huy H vay 30.000.000 đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, cắt lãi trước 6.000.000đồng, tiền gốc vay thực tế anh H nhận được là 24.000.000đồng. Anh H đã trả cho Ng tiền gốc vay là 15.000.000đồng và tiền lãi 6.000.000đồng. Ng thu lợi bất chính 5.342.466đồng. Hiện anh H còn nợ Ng 15.000.000đồng tiền gốc vay.

Trong quá trình Ng thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, Bùi Huy Kh đã hỗ trợ, giúp sức cho Ng đòi nợ đối với các khoản vay của anh Nguyễn Quý L với tổng tiền lãi phải trả là 50.000.000đồng, thu lợi bất chính 44.444.444đồng.

**\* Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy:** Ngày 29/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Vĩnh Yên trong quá trình thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Đình M tại số nhà 36, đường Lê Thanh Nghị, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên đã phát hiện Vũ Văn G đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ 02 (hai) gói nilon kích thước (2,5 x 3)cm, bên trong đựng 02 (hai) viên nén và 02 (hai) mảnh viên nén màu hồng cùng một số hạt tinh thể dạng đá màu trắng, tổng khối lượng là 0,7012 gam, qua giám định xác định là ma túy, loại Methamphetamine; 01 (một) bình thủy tinh cao 10cm, đường kính 06cm, phía trên cùng có gắn ống hút nhựa. G khai nhận

số ma túy trên là do G nhờ Lưu Văn Ng mua hộ, mục đích để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện, bắt giữ cùng vật chứng. Quá trình điều tra xác định nguồn gốc số ma túy trên là do Lưu Văn Ng mua của 01 người chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể.

Hành vi như nêu trên của Lưu Văn Ng đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Bùi Huy Kh đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi của Vũ Văn G đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do Bản án hình sự sơ thẩm số: 118/2016/HSST ngày 15/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” đối với G, chưa được xóa án tích, nay G lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, vì vậy lần phạm tội này của Vũ Văn G thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Nội dung các điều luật quy định:

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

*“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.*

*2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

*“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*...*

*c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; ...”*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:*

*...*

*o) Tái phạm nguy hiểm.”.*

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố các bị cáo theo Cáo trạng số: 168/CT – VKSNDTPVY-VP ngày 23 tháng 9 năm

2024 truy tố bị cáo Lưu Văn Ng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249; bị cáo Vũ Văn G về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 và bị cáo Bùi Huy Kh về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong nhân dân.

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Lưu Văn Ng và Bùi Huy Kh là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm trật tự công cộng, lợi ích của công dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Lưu Văn Ng và Vũ Văn G là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân, là nguyên nhân dẫn đến nhiều tệ nạn khác

Vì vậy, cần xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét tính chất, mức độ, vai trò của các bị cáo cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lưu Văn Ng, Bùi Huy Kh và Vũ Văn G đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Bị cáo Lưu Văn Ng trong vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự tham gia phạm tội với vai trò chính, là người khởi xướng việc cho vay lãi nặng và trực tiếp bỏ tiền gốc cho vay. Tuy nhiên, trước khi phạm tội bị cáo cùng đồng phạm khác không có sự bàn bạc, phân công, chỉ đạo chặt chẽ trong quá trình thực hiện tội phạm, do vậy chỉ là vụ án đồng phạm giản đơn.

Trong vụ án tàng trữ trái pháp chất ma túy, sau khi được Vũ Văn G nhờ Ng mua hộ mua túy để sử dụng. Ng chỉ mua hộ G chứ không có mục đích vụ lợi.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu. Đã từng 02 lần bị xét xử hình sự về các tội “Cướp giật tài sản” năm 2011 và tội “Đánh bạc” năm 2016 đều đã được xóa án tích. Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần xử lý bị cáo trước pháp luật mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Việc cơ quan điều tra khởi tố và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Trong vụ án này bị cáo thành khẩn khai báo, chủ động khai ra các hành vi phạm tội của mình để giúp cơ quan điều tra nhanh chóng làm rõ sự thật của vụ án và kết thúc điều tra. Do vậy, mức án của Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy cần có một mức án nhẹ hơn để tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội nên chỉ cần xử bị cáo với mức án nhẹ hơn cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung.

+ Bị cáo Bùi Huy Kh tham gia phạm tội với vai trò là đồng phạm trong vụ án “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” với bị cáo Ng, trực tiếp giúp sức cho bị cáo Ng trong hoạt động cho vay lãi nặng. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã từng bị xét xử hình sự về tội “Cướp tài sản” năm 2011 và 02 lần bị xử lý hành chính về hành vi mua dâm năm 2014 và hành vi “Cho vay tiền có cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay cao vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định”, “Cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy hủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản cầm cố” năm 2020. Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân còn tiếp tục phạm tội. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Với tình tiết giảm nhẹ nêu trên, cần xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

+ Bị cáo Vũ Văn G trước khi phạm tội là người có nhân thân xấu. Đã từng 04 lần bị xét xử hình sự về các tội “Trộm cắp tài sản” năm 2007 phạm tội ít nghiêm trọng khi G chưa đủ 18 tuổi nên không được coi là có án tích; tội “Giao cấu với trẻ em” năm 2012 đã được xóa án tích; tội “Trộm cắp tài sản” năm 2014 chưa được xóa án tích và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” năm 2016 chưa được xóa án tích. Ngoài ra, năm 2021 bị cáo bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 07/4/2023 G chấp hành xong.

Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Trong vụ án Tàng trữ trái phép chất ma túy này, bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích. Do Bản án hình sự sơ thẩm số: 118/2016/HSST ngày 15/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” đối với G, chưa được xóa án tích. Nay G lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, vì vậy lần phạm tội này của Vũ Văn G thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Do vậy, cần xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng phòng ngừa và giáo dục chung.

[4] Về biện pháp tư pháp: Theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”*

Giao dịch cho vay của bị cáo Ng với người vay với lãi suất gấp hơn 5 lần mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là giao dịch trái pháp luật nên toàn bộ số tiền gốc cho vay là phương tiện phạm tội cần truy thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%/năm, đây là số tiền có được từ việc thực hiện hành vi phạm tội nên buộc bị cáo truy thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền lãi quá quy định buộc bị cáo phải trả lại cho người vay.

Xử lý đối với khoản tiền gốc người vay đã trả và khoản tiền gốc người vay chưa trả cho bị cáo như sau: Quá trình điều tra xác định, từ số tiền gốc ban đầu, Ng đã sử dụng để quay vòng cho vay các lần tiếp theo. Cụ thể Ng đã sử dụng tiền gốc vay và thu được tiền gốc, lãi như sau: Năm 2022, Ng sử dụng số tiền gốc ban đầu là 10.000.000đồng để cho chị Lê Thị Ng1 vay, sau đó đã thu về được của chị Ng1 10.000.000đồng là tiền gốc và 2.000.000đồng tiền lãi. Từ tháng 3/2022 đến tháng 11/2022, Ng sử dụng tiền gốc cao nhất là 100.000.000đồng để quay vòng cho anh Nguyễn Quý L vay, sau đó đã thu về 11.000.000đồng tiền gốc và 92.000.000đồng tiền lãi. Từ tháng 11/2022 đến ngày 08/4/2023, Ng sử dụng 20.000.000đồng tiền gốc để quay vòng cho chị Nguyễn Thị N vay, sau đó đã thu về 20.000.000đồng tiền gốc và 14.000.000đồng tiền lãi. Từ ngày 21/12/2022 đến ngày 03/6/2023, Ng sử dụng tiền gốc ban đầu là 40.000.000đồng để quay vòng cho anh Nguyễn Tiến A vay, sau đó đã thu về 39.500.000đồng tiền gốc và 29.550.000đồng tiền lãi. Từ ngày 30/6/2023 đến ngày 18/2/2024, Ng tiếp tục sử dụng 15.000.000đồng tiền gốc thu được từ khoản vay của anh Tiến A để quay vòng cho chị Nguyễn Thị Minh Th vay, sau đó đã thu về 7.000.000đồng tiền gốc và 19.000.000đồng tiền lãi. Ngày 24/12/2023, Ng sử dụng 30.000.000đồng tiền gốc cho anh Nguyễn Huy H vay, sau đó đã thu về 15.000.000đồng tiền gốc và 6.000.000đồng tiền lãi. Do đó, có cơ sở xác định số tiền gốc ban đầu Ng sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội là 200.000.000đồng, trong đó Ng đã thu về được 87.500.000đồng, số tiền gốc mà người vay còn nợ là 112.500.000đồng. Quá trình điều tra xác định anh L chưa trả tiền gốc vay cho Ng là 89.000.000đồng, anh Tiến A chưa trả tiền gốc vay cho Ng là 500.000đồng, chị Th chưa trả tiền gốc vay cho Ng là 8.000.000đồng, anh H chưa trả tiền gốc vay cho Ng là 15.000.000đồng.

Vì vậy, cần truy thu của Ng số tiền 87.500.000đồng, truy thu của anh L số tiền 89.000.000đồng, truy thu của anh Tiến A số tiền 500.000đồng, truy thu của chị Th số tiền 8.000.000đồng và truy thu của anh H số tiền 15.000.000đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%/năm mà Ng đã thu của chị Ng1, anh L, chị N, anh Tiến A, chị Th, anh H. Tổng cộng **17.863.041đồng**, tuy không bị tính khi xem xét trách nhiệm hình sự, nhưng đây là số tiền Ng có được từ việc thực hiện hành vi phạm tội, cần truy thu của Ng số tiền trên để sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất trên 20%/năm mà Ng đã thu của chị Ng1, anh L, chị N, anh Tiến A, chị Th, anh H. Tổng cộng **144.686.959đồng**, đây là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của những người vay tiền, bản thân những người vay cũng khẳng định không sử dụng số tiền vay vào mục đích bất hợp pháp, nên cần truy thu của Ng để trả lại cho chị Ng1, anh L, chị N, anh Tiến A, chị Th, anh H, tương ứng với số tiền Ng đã thu của mỗi người. Cụ thể: Chị Lê Thị Ng1 1.780.822đồng, anh Nguyễn Quý L 81.917.808đồng, chị Nguyễn Thị N 12.456.753đồng, anh Nguyễn Tiến A 26.262.329đồng, chị Nguyễn Thị Minh Th 16.917.808đồng, anh Nguyễn Huy H 5.342.466đồng.

#### [5] Về xử lý vật chứng

Đối với 0,4034 gam mẫu tinh thể dạng đá; 0,1730 gam mẫu viên nén và toàn bộ bao gói được niêm phong chung trong một bao gói giấy “MẪU TRẢ 813”, trên giấy có chữ ký của người tham gia đóng gói, niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc hoàn lại sau giám định và 01 (một) bộ sử dụng ma túy đá tự chế gồm: 01 (một) bình thủy tinh cao 10cm, đường kính 06cm, phía trên cùng có gắn ống hút nhựa, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone XS max, số IMEI: 3357274094192374; 01 điện thoại Samsung Galaxy A21s, số seri R58N74PCBAD, đã cũ, đã qua sử dụng; quá trình điều tra xác định 02 điện thoại trên là phương tiện Ng và Kh sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Nguyễn Huy H; 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Lê Thị Ng1 là giấy tờ tùy thân của anh H và chị Ng1, cần trả lại cho anh H và chị Ng1.

Đối với 01 quyển sổ có bìa màu xanh, bên trên có dòng chữ "New Century" và 01 quyển sổ có bìa màu đỏ, quá trình điều tra chưa có đủ căn cứ xác định có liên quan đến những hành vi phạm tội khác của Ng hay không. Do vậy, Cơ quan điều tra tách vật chứng, tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Đối với 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Hồng Phi, 01 giấy mua bán điện thoại mang tên Nguyễn Văn Tuấn, 01 giấy vay tiền mang tên Nguyễn

Văn Tuấn. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với chị Phi và anh Tuấn do không có mặt tại địa phương, chưa có đủ căn cứ xác định có liên quan đến những hành vi phạm tội khác của Ng hay không. Do vậy, Cơ quan điều tra tách vật chứng, tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

[6] Quá trình điều tra Kh khai hỗ trợ Ng thu tiền vay của những người sau: “Thủy may” (số điện thoại 0327808865) trú tại phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên; “Phượng Spa” (số điện thoại 0387020490); “Hương linh” (số điện thoại 0965974975) đều ở phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên; “Huyền lòng” (số điện thoại 0979107198); “Dũng sắt” (số điện thoại 0325906380); “Dũng bia” (số điện thoại 0947641982) đều ở phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên; “Hằng bói” (số điện thoại 0968752893) ở xã Thanh Trù, thành phố Vĩnh Yên; “Hoan hoa quả” (số điện thoại 0787008082); “Oanh Hồng” (số điện thoại 0986816456) trú tại phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên; Hương đốc” (số điện thoại 0345425827). Tuy nhiên, bản thân Ng khai nhận không cho những người có thông tin như trên vay tiền cũng như không thuê Kh thu nợ gốc, lãi của những người này. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh những người có thông tin tên và số điện thoại ở địa bàn nêu trên nhưng không xác định được là ai. Ngoài lời khai của Kh, không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh những người có thông tin như trên vay tiền của Ng với lãi suất cao. Vì vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[7] Ngày 23/5/2024 và ngày 14/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Vĩnh Yên có các Công văn số: 884, 1252, đề nghị Ban thanh tra kiểm toán – Tập đoàn Công nghiệp viễn thông Quân đội Viettel cung cấp: Thông tin về các chủ thuê bao của các số điện thoại 0368064666; 0981466115 và Thông tin chi tiết các cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến của số thuê bao 0368064666; 0981466115 trong khoảng thời gian từ 18 giờ 00 phút ngày 25/3/2024 đến 06 giờ 00 phút ngày 29/3/2024. Ngày 07/8/2024, Cơ quan điều tra làm việc với Tập đoàn Công nghiệp viễn thông Quân đội Viettel được cung cấp thông tin: Chủ thuê bao số 0981466115: Hoàng Hữu H1, sinh ngày: 20/6/1972; địa chỉ: phường ĐT, thành phố VY; số CCCD: 026072000943. Chủ thuê bao 0368064666: Lưu Văn Ng, sinh ngày: 22/7/1993; địa chỉ: NH, NTr, Nam Định, số CCCD: 036093005946. Kèm theo lịch sử các cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến của số thuê bao 0368064666; 0981466115 trong khoảng thời gian từ 18 giờ 00 phút ngày 25/3/2024 đến 06 giờ 00 phút ngày 29/3/2024. Kết quả thể hiện giữa số thuê bao do Ng sử dụng là 0368064666 và số thuê bao Ng khai do Lành Văn C1 sử dụng là 0981466115 không phát sinh cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến trong khoảng thời gian từ 18 giờ 00 phút ngày 25/3/2024 đến 06 giờ 00 phút ngày 29/3/2024.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã triệu tập Lành Văn C1 làm việc và đối chất với Lưu Văn Ng nhưng C1 khai không bán trái phép chất ma túy cho Lưu

Văn Ng. Ngoài lời khai của Ng, không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh hành vi phạm tội của C1. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Ngoài ra, không có tài liệu, chứng cứ nào để xác định chính xác nhân thân, lai lịch của người đã bán ma túy cho Ng ngày 28/3/2024. Vì vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với chị Ngôn Thị Phương D là người đứng tên tài khoản số 104880700106 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) mà Ng sử dụng để phục vụ việc cho vay và thu nợ gốc, lãi như trên. Quá trình điều tra xác định chị D là bạn gái của Ng và cho Ng mượn tài khoản để sử dụng, chị D không biết việc Ng sử dụng tài khoản ngân hàng trên để thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao và thu lợi bất chính, không tham gia và không được hưởng lợi ích gì từ việc này, vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị D là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Đình M là chủ căn nhà số 36 đường Lê Thanh Nghị, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên và chị Nguyễn Khánh L1, anh Đỗ Văn C là những người có mặt tại căn nhà số 36 đường Lê Thanh Nghị, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên tại thời điểm Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp ngôi nhà, quá trình điều tra xác định anh Minh, Chị L1, anh C1 đều không biết và không liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Vũ Văn G. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

#### [8] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...*”. Trong vụ án này Ng là người cung cấp nguồn tiền cho vay và là chủ cửa hàng kinh doanh nên cần phạt Ng số tiền 30.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước là phù hợp. Đối với Bùi Huy Kh Hội đồng xét xử thấy bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định; sau khi phạm tội đến nay bị cáo không có việc làm ổn định nên bị cáo không có thu nhập ổn định hàng tháng nên không khấu trừ phần trăm thu nhập và các hình phạt bổ sung khác đối với bị cáo là phù hợp.

- Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng*”. Đối với bị cáo Vũ Văn G quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, là người nghiện nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Đối với Lưu Văn Ng trong vụ án này Ng tàng trữ trái phép chất ma túy không nhằm mục đích vụ lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Ng, G và Kh phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lưu Văn Ng phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị cáo Vũ Văn G phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị cáo Bùi Huy Kh phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 55; Điều 58 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo: Lưu Văn Ng 08 (Tám) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chịu 02 (Hai) năm 04 (Bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Ng số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước của tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo: Vũ Văn G 05 (Năm) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo: Bùi Huy Kh 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập và các hình phạt bổ sung khác đối với bị cáo Kh.

Giao bị cáo Bùi Huy Kh cho Ủy ban nhân dân xã XT, huyện CM, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội nhận được quyết định thi hành án. Trong trường hợp bị cáo Bùi Huy Kh có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy mẫu vật hoàn lại sau giám định 0,4034 gam mẫu tinh thể dạng đá và 0,1730 gam mẫu viên nén và toàn bộ bao gói được niêm phong chung trong một bao gói giấy mẫu trả vụ số 813/2024, trên giáp lai có chữ ký của người tham gia đóng gói, niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc và 01 bình thủy tinh cao 10cm, đường kính 06cm, phía trên cùng có gắn ống hút nhựa.

Tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone XS max, số IMEI: 3357274094192374 đã cũ, đã qua sử dụng của

Lưu Văn Ng và 01 điện thoại Samsung Galaxy A21s, số seri R58N74PCBAD, đã cũ, đã qua sử dụng của Bùi Huy Kh.

Trả lại cho chị Lê Thị Ng1 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Lê Thị Ng1.

Trả lại cho anh Nguyễn Huy H 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Huy H.

Truy thu sung Ngân sách nhà nước của Lưu Văn Ng tổng số tiền: 87.500.000đồng + 17.863.041đồng = 105.363.041 đồng.

Truy thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) nộp sung quỹ Nhà nước số tiền gốc còn lại chưa trả cho bị cáo Lưu Văn Ng cụ thể: Anh Nguyễn Quý L số tiền 89.000.000đồng; anh Nguyễn Tiến A số tiền 500.000đồng; chị Nguyễn Thị Minh Th số tiền 8.000.000đồng và anh Nguyễn Huy H số tiền 15.000.000đồng.

- Buộc Lưu Văn Ng phải trả số tiền lãi vượt quá quy định cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay), cụ thể: Chị Lê Thị Ng1 1.780.822đồng; anh Nguyễn Quý L 81.917.808đồng; chị Nguyễn Thị N 12.456.753đồng; anh Nguyễn Tiến A 26.262.329đồng; chị Nguyễn Thị Minh Th 16.917.808đồng và anh Nguyễn Huy H 5.342.466đồng.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Ng, G và Kh mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phùng Đình Bàn**

**Vũ Thị Kim Dung**

**Nguyễn Thị Trang Nhung**

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Các bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Trang Nhung**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**







